

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SNNMT-TL

Thanh Hóa, ngày tháng 5 năm 2026

V/v báo cáo tổng hợp tình hình thiệt hại do các đợt thiên tai lốc, sét kèm theo mưa từ đêm ngày 27/4 đến sáng ngày 29/4/2026 và lốc, mưa lớn cục bộ kèm theo mưa đá từ chiều tối và đêm ngày 02/5 đến ngày 04/5/2026 trên địa bàn tỉnh.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 7020/UBND-NNMT ngày 21/4/2026 của UBND tỉnh về việc chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai, lốc, sét và mưa đá gây ra trên địa bàn tỉnh; trong đó, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan tổng hợp kịp thời, đầy đủ tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh và nhu cầu hỗ trợ sau mỗi đợt thiên tai.

Trên cơ sở báo cáo của UBND các xã, phường, các đơn vị liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo tổng hợp tình hình thiệt hại do các đợt thiên tai lốc, sét kèm theo mưa từ đêm ngày 27/4 đến sáng ngày 29/4/2026 và lốc, mưa lớn cục bộ kèm theo mưa đá từ chiều tối và đêm ngày 02/5 đến ngày 04/5/2026 trên địa bàn tỉnh; cụ thể như sau:

**1. Diễn biến, tình hình lốc, sét, mưa lớn, mưa đá**

- Từ 19h00' ngày 27/4 đến ngày 29/4/2026, tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh xảy ra lốc, sét, mưa kèm theo mưa đá (*chủ yếu xảy ra tại khu vực các xã miền núi của tỉnh*) gây thiệt hại về người, nhà ở, tài sản và sản xuất của Nhân dân. Theo số liệu từ các Trạm đo mưa tự động một số nơi đo được lượng mưa lớn nhất như sau: Xã Bát Mọt 46,6 mm; xã Tam Lư 40 mm; xã Tam Chung 39,6 mm; xã Giao An 37,6 mm; xã Phú Xuân 35,8 mm.

- Chiều tối ngày 02/5 đến rạng sáng ngày 04/5/2026, trên địa bàn tỉnh xảy ra lốc, sét, mưa lớn cục bộ, một số địa phương xảy ra mưa đá gây thiệt hại về nhà ở, tài sản và sản xuất của Nhân dân. Theo số liệu từ các Trạm đo mưa tự động, từ 16h00' ngày 03/5/2026 đến 17h00' ngày 04/5/2026 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra mưa, một số nơi có mưa vừa đến mưa to, có nơi mưa rất to, lượng mưa phổ biến từ 30 - 80mm, một số nơi có lượng mưa lớn hơn được đo tại các trạm: Thanh Lâm (xã Thanh Lâm) 129.2 mm, Thanh Phong (xã Thanh Lâm) 102.2mm, Mai Lâm (P.Hải Bình) 99,86mm, Lộc Thịnh (xã Ngọc Liên) 94.8mm, hồ Lâm Danh (xã Văn Phú)

92.0mm, Sơn Điện (xã Sơn Điện) 95.8mm, Hiền Chung (xã Hiền Kiệt) 80.6mm, Lý Nhân (xã Yên Trường) 79.4mm, Phú Sơn 2 (xã Phú Lệ) 72.2mm,... Một số nơi xảy ra mưa đá như: xã Thanh Phong (các thôn Quang Hùng, Tân Hùng, Hai Huân), xã Ngọc Liên (thôn Cao Khánh), xã Văn Phú (bản Cháo Pi).

## **2. Về tình hình thiệt hại**

Theo báo cáo của các địa phương, lốc, sét, mưa lớn, mưa đá đã gây thiệt hại về người, nhà ở, tài sản và sản xuất của Nhân dân trên địa bàn tỉnh, tình hình thiệt hại; cụ thể như sau:

**2.1. Thiệt hại về người:** Có 01 người chết là cháu Vi Thành Lâm, sinh năm 2013, quê quán xã Nam Xuân, tỉnh Thanh Hóa (*do nhà đổ, sập, bị gỗ đè lên người*).

**2.2. Thiệt hại về nhà ở:** Có 121 nhà bị ảnh hưởng, thiệt hại (*10 nhà bị thiệt hại hoàn toàn; 49 nhà bị thiệt hại nặng; 62 nhà bị thiệt hại một phần*).

**2.3. Thiệt hại về cơ sở giáo dục:** Có 7 điểm/trường bị ảnh hưởng, thiệt hại.

**2.4. Thiệt hại về cơ sở y tế:** Có 01 trạm y tế bị thiệt hại nặng.

**2.5. Thiệt hại về nông, lâm, diêm nghiệp:** 874,135 ha lúa, 26,46 ha rau màu, hoa màu, 14,09 ha cây lâu năm, 79,83 ha cây trồng hàng năm, 0,3 ha cây ăn quả tập trung, 0,2 ha rừng hiện có bị thiệt hại; 12 cây keo, lát, bạch đàn, xà cừ, 1.200 cây ăn quả bị đổ gãy.

**2.6. Thiệt hại về chăn nuôi:** 5 con lợn, 8 con dê, 400 con gà (*28 ngày tuổi*) bị chết.

**2.7. Thiệt hại về thủy lợi:** 30m kênh mương nội đồng bị sạt, trôi, hư hỏng.

**2.8. Thiệt hại về công nghiệp:** 8 cột điện hạ thế bị đổ, gãy, hư hỏng; 1000 m dây điện hạ thế bị đứt.

**2.9. Thiệt hại khác:** 1 cổng chào thôn, 7 đèn chiếu sáng, 55 m tường rào nhà dân bị đổ; 2 công trình nhà bếp, 300 m<sup>2</sup> mái tôn nhà dân, 2 xe máy bị hư hỏng.

***Ước tính giá trị thiệt hại khoảng 13,402 tỷ đồng.***

*(Chi tiết có phụ lục 1, phụ lục 2 kèm theo)*

## **3. Công tác khắc phục hậu quả**

- Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Công văn số 6706/SNNMT-TL ngày 05/5/2026 hướng dẫn cụ thể UBND các xã, phường các quy định của pháp luật, các chính sách của Nhà nước và trình tự thủ tục thực hiện về công tác khắc phục hậu quả thiên tai.

- Cấp ủy, chính quyền các địa phương đã chỉ đạo các lực lượng hỗ trợ, hướng dẫn giúp đỡ các hộ dân khắc phục thiệt hại về nhà ở, tài sản và sản xuất

nông nghiệp; chỉ đạo các đơn vị rà soát, thống kê, đánh giá tình hình thiệt hại về mức độ thiệt hại theo quy định.

#### **4. Về đề xuất kiến nghị của các địa phương, đơn vị**

Qua kết quả tổng hợp tình hình thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của các địa phương, đơn vị; có 01 địa phương (UBND xã Phú Xuân) đề xuất hỗ trợ kinh phí khắc phục thiệt hại tại Trường Tiểu học Thanh Xuân (*bị tốc mái 2 phòng học nhà ở công vụ giáo viên, hư hỏng mái tôn phòng học 2 tầng, một số trang thiết bị máy tính, bàn ghế bị hư hỏng nặng với giá trị thiệt hại khoảng 500 triệu đồng*) đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường có Công văn số 7555/SNNMT-TL ngày 18/5/2026, tổng hợp gửi thông tin đề Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động kiểm tra, xem xét, giải quyết kịp thời đề nghị của UBND xã Phú Xuân theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7020/UBND-NNMT ngày 21/4/2026 (*chi tiết có văn bản gửi kèm theo*).

Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tiếp tục phối hợp với các địa phương, đơn vị để tổng hợp về thiệt hại do thiên tai gây ra và đề xuất mức hỗ trợ cụ thể gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thanh Hóa (Ban Thường trực) và Hội Chữ thập đỏ tỉnh để xem xét, hỗ trợ theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- PCT UBND tỉnh Cao Văn Cường (để b/cáo);
- PGĐ Sở Nguyễn Hoài Nam (để t/dối);
- Lưu: VT, TL.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Tiến**

**Phụ lục:**  
**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THIẾT HẠI DO ĐỢT THIÊN TAI GÂY RA**

(Kèm theo Công văn số:        /SNNMT-TL ngày     /     /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

| TT         | Loại thiệt hại                                             | Đơn vị   | Tổng cộng | Ghi chú |
|------------|------------------------------------------------------------|----------|-----------|---------|
|            | <b>A</b>                                                   | <b>B</b> | <b>C</b>  |         |
| <b>I</b>   | <b>THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI</b>                                  |          |           |         |
|            | Người chết                                                 | người    | 1         |         |
| <b>II</b>  | <b>THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở</b>                                  |          |           |         |
| <b>1</b>   | <b>Nhà bị thiệt hại</b>                                    | cái      | 121       |         |
| <b>1.1</b> | <b>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</b>                      | cái      | 5         |         |
|            | Nhà kiên cố                                                | cái      | 3         |         |
|            | Nhà đơn sơ                                                 | cái      | 2         |         |
| <b>1.1</b> | <b>Thiệt hại hoàn toàn (trên 50 -70%)</b>                  | cái      | 5         |         |
|            | Nhà kiên cố                                                | cái      | 1         |         |
|            | Nhà bán kiên cố                                            | cái      | 4         |         |
| <b>1.2</b> | <b>Thiệt hại nặng từ 30-50%</b>                            | cái      | 49        |         |
|            | Nhà kiên cố                                                | cái      | 18        |         |
|            | Nhà bán kiên cố                                            | cái      | 31        |         |
| <b>1.3</b> | <b>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</b>                       | cái      | 62        |         |
|            | Nhà kiên cố                                                | cái      | 10        |         |
|            | Nhà bán kiên cố                                            | cái      | 52        |         |
| <b>2</b>   | <b>Nhà bị ngập nước</b>                                    | lượt     | 5         |         |
|            | Bị ngập dưới 1m                                            | lượt     | 5         |         |
| <b>III</b> | <b>THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC</b>                               |          |           |         |
|            | Số điểm/trường bị ảnh hưởng (ngập, tốc mái, đổ gãy cây...) | Điểm     | 7         |         |
| <b>IV</b>  | <b>THIỆT HẠI VỀ Y TẾ</b>                                   |          |           |         |
| <b>1</b>   | <b>Trạm y tế bị hư hỏng</b>                                | cái      | 1         |         |
|            | Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)                             | cái      | 0         |         |
|            | Thiệt hại rất nặng từ 50-70%                               | cái      | 0         |         |
|            | Thiệt hại nặng từ 30-50%                                   | cái      | 1         |         |
| <b>V</b>   | <b>THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP</b>                 |          |           |         |
| <b>1</b>   | <b>Diện tích lúa</b>                                       | ha       | 874,135   |         |
| <b>1.1</b> | <b>Lúa bị đổ ngã</b>                                       | ha       | 45,1      |         |
| <b>1.2</b> | <b>Diện tích lúa thuần</b>                                 |          | 324,905   |         |
|            | Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)                             | ha       | 59,67     |         |
|            | Thiệt hại rất nặng từ 50-70%                               | ha       | 38,13     |         |
|            | Thiệt hại nặng từ 30-50%                                   | ha       | 17,465    |         |
|            | Thiệt hại một phần (dưới 30%)                              | ha       | 209,64    |         |
| <b>1.3</b> | <b>Diện tích lúa lai</b>                                   |          | 504,13    |         |
|            | Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)                             | ha       | 143,36    |         |
|            | Thiệt hại rất nặng từ 50-70%                               | ha       | 3,59      |         |
|            | Thiệt hại nặng từ 30-50%                                   | ha       | 276,78    |         |
|            | Thiệt hại một phần (dưới 30%)                              | ha       | 80,4      |         |
| <b>2</b>   | <b>Diện tích rau màu, hoa màu</b>                          | ha       | 26,46     |         |
|            | Diện tích ngô, hoa màu, rau màu bị đổ                      | ha       | 1,5       |         |
|            | Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)                             | ha       | 1,12      |         |
|            | Thiệt hại rất nặng từ 50-70%                               | ha       | 5,3       |         |
|            | Thiệt hại nặng từ 30-50%                                   | ha       | 5,88      |         |

| TT          | Loại thiệt hại                                           | Đơn vị            | Tổng cộng     | Ghi chú |
|-------------|----------------------------------------------------------|-------------------|---------------|---------|
|             | <i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>                     | <i>ha</i>         | <i>12,66</i>  |         |
| <b>4</b>    | <b>Diện tích cây lâu năm</b>                             | <b>ha</b>         | <b>14,09</b>  |         |
|             | <i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>                    | <i>ha</i>         | <i>0</i>      |         |
|             | <i>Thiệt hại rất nặng từ 50-70%</i>                      | <i>ha</i>         | <i>12</i>     |         |
|             | <i>Thiệt hại nặng từ 30-50%</i>                          | <i>ha</i>         | <i>0</i>      |         |
|             | <i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>                     | <i>ha</i>         | <i>2,09</i>   |         |
| <b>5</b>    | <b>Diện tích cây trồng hàng năm</b>                      | <b>ha</b>         | <b>79,83</b>  |         |
|             | <i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>                    | <i>ha</i>         | <i>8,43</i>   |         |
|             | <i>Thiệt hại rất nặng từ 50-70%</i>                      | <i>ha</i>         | <i>55,3</i>   |         |
|             | <i>Thiệt hại nặng từ 30-50%</i>                          | <i>ha</i>         | <i>6,1</i>    |         |
|             | <i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>                     | <i>ha</i>         | <i>10</i>     |         |
| <b>6</b>    | <b>Diện tích cây ăn quả tập trung</b>                    |                   | <b>0,3</b>    |         |
|             | <i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>                    | <i>ha</i>         | <i>0</i>      |         |
|             | <i>Thiệt hại rất nặng từ 50-70%</i>                      | <i>ha</i>         | <i>0</i>      |         |
|             | <i>Thiệt hại nặng từ 30-50%</i>                          | <i>ha</i>         | <i>0,3</i>    |         |
|             | <i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>                     | <i>ha</i>         | <i>0</i>      |         |
|             | <b>Cây ăn quả bị đổ gãy (chuối, mít...)</b>              | <b>cây</b>        | <b>1.200</b>  |         |
| <b>7</b>    | <b>Diện tích rừng hiện có</b>                            | <b>ha</b>         | <b>0,2</b>    |         |
|             | <i>Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)</i>                    | <i>ha</i>         | <i>0</i>      |         |
|             | <i>Thiệt hại rất nặng từ 50-70%</i>                      | <i>ha</i>         | <i>0</i>      |         |
|             | <i>Thiệt hại nặng từ 30-50%</i>                          | <i>ha</i>         | <i>0,2</i>    |         |
|             | <i>Thiệt hại một phần (dưới 30%)</i>                     | <i>ha</i>         | <i>0</i>      |         |
|             | Keo, lát, bạch đàn, xà cừ đổ gãy, luống                  | cây               | 12            |         |
| <b>VI</b>   | <b>THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI</b>                            |                   |               |         |
| <b>1</b>    | <b>Gia súc bị chết, cuốn trôi</b>                        | con               | <b>13</b>     |         |
|             | Dê                                                       | con               | 8             |         |
|             | Lợn                                                      | con               | 5             |         |
| <b>2</b>    | <b>Gia cầm bị chết, cuốn trôi</b>                        | con               | 400           |         |
|             | Gà (28 ngày tuổi)                                        | con               | 400           |         |
| <b>VII</b>  | <b>THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI</b>                             |                   |               |         |
| <b>1</b>    | <b>Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng</b>                  |                   |               |         |
|             | <i>Kênh mương nội đồng (các xã, phường báo cáo)</i>      | <i>m</i>          | <i>30</i>     |         |
| <b>VIII</b> | <b>THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP</b>                          |                   | <b>0</b>      |         |
| <b>1</b>    | <b>Cột điện bị đổ, gãy, sạt lở móng cột, nghiêng cột</b> |                   |               |         |
|             | <i>Hạ thế</i>                                            | <i>cái</i>        | <i>8</i>      |         |
| <b>2</b>    | <b>Dây điện bị đứt</b>                                   |                   |               |         |
|             | <i>Hạ thế</i>                                            | <i>m</i>          | <i>1.000</i>  |         |
| <b>IX</b>   | <b>THIỆT HẠI KHÁC</b>                                    |                   |               |         |
| 1           | Đèn chiếu sáng bị đổ                                     | cái               | 7             |         |
| 2           | Công trình nhà bếp bị hư hỏng                            | cái               | 2             |         |
| 3           | Cổng chào thôn bị đổ gãy                                 | cái               | 1             |         |
| 4           | Tường rào nhà dân bị đổ, sập                             | m                 | 55            |         |
| 5           | Xe máy hư hỏng                                           | cái               | 2             |         |
| 6           | Mái tôn nhà dân bị hư hỏng                               | m <sup>2</sup>    | 300           |         |
|             | <b>TỔNG CỘNG</b>                                         | <b>Triệu đồng</b> | <b>13.402</b> |         |

**Phụ lục 2: BẢNG THỐNG KÊ NGUYÊN NHÂN NGƯỜI CHẾT DO ĐỘT THIÊN TAI GÂY RA**

*(Kèm theo Công văn số:        /SNNMT-TL ngày     /     /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

| TT | Xã       | Họ và tên    | Năm sinh |    | Dân tộc | Địa chỉ/quê quán | Nguyên nhân                                                                                                                                                                  | Thời gian | Ghi chú |
|----|----------|--------------|----------|----|---------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
|    |          |              | Nam      | Nữ |         |                  |                                                                                                                                                                              |           |         |
| 1  | Nam Xuân | Vi Thành Lâm | 2013     |    | Mường   | Xã Nam Xuân      | Vào khoảng 22h00' ngày 28/4/2026, trên địa bàn xã Nam Xuân xảy ra mưa lớn kèm theo lốc làm nhà bị đổ, sập; trong thời điểm nhà bị sập cháu đang nằm ngủ, bị gồ đè lên người. | 28/4/2026 |         |